HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 211/2022/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Email: hdndhungyen@hungyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 21.07.2022 10:28:11 +07:00

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách về công tác dân số ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dân số; Pháp lệnh số 08/2008/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung để địa phương ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của Cộng tác viên dân số;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BYT ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số chính sách về công tác dân số ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 382/BC-BPC ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với Cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố (gọi chung là Cộng tác viên dân số thôn) và một số chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố (gọi chung là thôn); xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) thực hiện tốt công tác dân số.

b) Cộng tác viên dân số thôn; Nhân viên y tế thôn; phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện tốt chính sách dân số.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác dân số ở cơ sở.

Điều 2. Quy định về số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với Cộng tác viên dân số thôn

1. Số lượng Cộng tác viên dân số thôn

Thôn có từ 250 hộ dân cư trở xuống được bố trí 01 Cộng tác viên dân số.

Thôn có trên 250 hộ dân cư thì cứ thêm 250 hộ dân cư được bố trí thêm 01 Cộng tác viên dân số; mỗi thôn bố trí không quá 04 Cộng tác viên dân số.

Mỗi thôn đảm bảo bố trí 01 Cộng tác viên dân số do Nhân viên y tế thôn kiêm nhiệm.

Đối với các thôn được bố trí từ 2 Cộng tác viên dân số trở lên, căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, ưu tiên bố trí người trực tiếp tham gia công việc ở thôn (có đủ điều kiện, tiêu chuẩn của Cộng tác viên dân số theo quy định) kiêm nhiệm và người đang trong thời gian được phân công làm Cộng tác viên dân số tại thôn.

2. Mức chi bồi dưỡng: 300.000 đồng/Cộng tác viên/tháng.

Điều 3. Quy định về một số nội dung chi và mức chi khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng

1. Cá nhân

a) Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con và tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn (triệt sản, đặt dụng cụ tử cung, cấy thuốc tránh thai) được khuyến khích, hỗ trợ 100.000 đồng/người.

b) Cộng tác viên dân số, Nhân viên y tế thôn đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có đủ 02 (hai) con, tự nguyện sử dụng biện pháp tránh thai dài hạn được khuyến khích, hỗ trợ 200.000 đồng/người.

c) Cộng tác viên dân số, Nhân viên y tế thôn mà thôn phụ trách đạt và vượt các chỉ tiêu về vận động đối tượng tham gia thực hiện tầm soát trước sinh, tầm soát sơ sinh được khuyến khích, hỗ trợ 200.000 đồng/người.

2. Tập thể

a) Thôn đạt 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng Giấy khen, ngoài tiền thưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ 03 triệu đồng.

b) Thôn đạt 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng Giấy khen, ngoài tiền thưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ 05 triệu đồng.

c) Xã đạt 100% thôn đã có nội dung về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trong hương ước, quy ước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng 01 lần và kèm theo hỗ trợ 05 triệu đồng.

d) Xã đạt 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng Giấy khen, ngoài tiền thưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ 30 triệu đồng.

đ) Xã đạt 05 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, ngoài tiền thưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ 50 triệu đồng.

e) Xã đạt 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng 01 lần, kèm theo hỗ trợ 10 triệu đồng.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả bồi dưỡng hằng tháng cho Cộng tác viên dân số thôn từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng thuộc cấp nào khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng thì cấp đó chi trả.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này và hướng dẫn về quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm bố trí Cộng tác viên dân số thôn đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Xây dựng chỉ tiêu hàng năm phù hợp với thực trạng dân số và xu hướng mức sinh của mỗi địa phương làm căn cứ chi trả hỗ trợ, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các chỉ tiêu được giao.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ Tám nhất trí thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế; Tài chính; LĐ,TB&XH; Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin-Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Trần Quốc Toản